TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
"Về tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2019/QĐST-DS ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Bảy S**, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh **Thạch Sa T**, sinh năm 1988 (vắng mặt không lý do);

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Bảy S trình bày: Vào năm 2019 chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Thạch Sa T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhân kết hôn số: 58/2019, ngày 17/4/2019. Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng không có con chung.

Theo đơn khởi kiện chị khai tài sản chung không có nhưng nay chị thay đổi tài sản chung là có gồm: 03 chỉ vàng 24 kara loại 999 trong đó 01 đôi bông tai là 01 chỉ vàng và 01 sợi dây chuyền là 02 chỉ vàng), do chị đang quản lý, để chị và anh T tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có; về tài sản riêng gồm có: 02 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây gồm 15 phần hụi, hình thức khui hụi 01 tháng khui một lần ai bỏ thăm cao thì hốt hụi, trừ đầu thảo 1.500.000 đồng do chị Trần Thị H làm đầu thảo. Khui khui đầu tiên vào ngày 01/5/2019 đến nay chị đã đóng được 06 lần/01 dây hụi, còn số tiền bao nhiêu chị không nhớ. Đây là tiền của cá nhân chị đóng hụi cho chị H không liên quan đến anh T.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hòa hài tính tình, anh T thường xuyên dùng lời nói đe dọa chị và gia đình nên chị rất sợ, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay.

Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay yêu cầu được ly hôn với anh T. Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, về con chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản riêng của chị thì chị và chị H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Sa T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về tài sản chung: Chị Thạch Thị Bảy S và anh Thạch Sa T thống nhất tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Bảy S và anh Thạch Sa T thống nhất khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng của chị S: Hai dây hụi còn sống do chị Trần Thị H làm đầu thảo loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây gồm 15 phần hụi, hình thức khui hụi 01 tháng khui một lần, ai bỏ thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 1.500.000 đồng. Khui hụi lần đầu vào ngày 01/5/2019, chị S đã đóng được 06 lần/01 dây hụi, chị S và chị H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự không thống nhất:

Chị Thạch Thị Bảy S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Sa T.

Anh Thạch Sa T không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, anh muốn kéo dài thời gian để tìm cách hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S xác lập quan hệ vợ chồng với anh T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhân kết hôn số: 58/2019, ngày 17/4/2019 đúng theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu của anh Thạch Sa T muốn được đoàn tụ, Hội đồng xét xử nhận thấy anh T thừa nhận anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Nếu thật sự anh muốn hàn gắn tình cảm thì anh phải thường xuyên lui tới gia đình bên vợ đồng thời tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm, nhưng anh không làm được đều đó, mà ngược lại anh có lời nói và hành động đe dọa chị S và gia đình làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh yêu cầu xin hàn gắn tình cảm nhưng chị S không chấp nhận. Theo bản tự khai ngày 02/10/2019 anh T khai anh đồng ý ly hôn, nhưng anh yêu cầu chia tài sản chung (bút lục 23) nhưng theo bản tự khai ngày 14/10/2019 (bút lục 24) anh lại không đồng ý ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung. Từ đó cho thấy anh T cũng muốn ly hôn nhưng sau đó anh lại thay đổi nhằm gây khó khăn cho chị S chứ thật sự anh không có ý chí hàn gắn gắn tình cảm với chị S. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đã sống ly thân đến nay mặc dù chưa được 06 tháng nhưng anh lại thường xuyên đe dọa chị S và gia đình cho thấy hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của anh.

[4] Theo chị S trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không hòa hài tính tình, anh T thường xuyên dùng lời nói đe dọa chị và gia đình bên chị từ đó vợ chồng mạnh ai nấy lo cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho tình trạng hôn nhân giữa anh, chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị S yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị S và anh T tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản riêng của chị S: Chị S và chị H tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Bảy S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Bảy S được ly hôn với anh Thạch Sa T.

2. Về con chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Bảy S và anh Thạch Sa T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị Bảy S và anh Thạch Sa T tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản riêng của chị S: Chị Thạch Thị Bảy S và chị Trần Thị H tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu về tài sản chung và tài sản riêng thì khi nào các đương sự có yêu cầu thì được giải quyết trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị Bảy S phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí hôn nhân và gia đình), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006364, ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị S đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật t hi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã T
(chứng nhận kết hôn số: 58/2019, ngày 17/4/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân